

CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYỄN DUY QUÝ(*)

Phân tích vấn đề thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở làm rõ sự khác nhau giữa công bằng xã hội và bình đẳng xã hội, mối quan hệ gắn bó giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội, thực trạng thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam trước và trong những năm đổi mới, tác giả đã đi đến kết luận: chỉ có trên cơ sở dựa vào công bằng xã hội để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển, chúng ta mới vừa bảo đảm được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, vừa thực hiện được định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường.

Trong các giai đoạn khác nhau của lịch sử nhân loại, vấn đề công bằng xã hội luôn được xã hội quan tâm cả ở phương Tây cũng như ở phương Đông với những kiến giải khác nhau. Nhà xã hội học Pháp - E. Durkheim quan niệm rằng, các xã hội hiện đại chỉ có thể ổn định một khi tôn trọng công bằng xã hội. Còn nhà xã hội học Mỹ - John Rawls thì lại cho rằng, những bất công về kinh tế và xã hội phải được tổ chức sao cho mọi người có thể chấp nhận được và bản thân chúng cũng phải được xem xét trên cơ sở tính đến vị trí và chức năng của mỗi người. Với quan niệm này, ông đã đưa ra nguyên tắc "tối đa hóa cái tối thiểu" cho những người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội và xem đó như lý tưởng của xã hội công bằng, là con đường tiến lên xã hội công bằng đó bằng đạo đức.

Vấn đề đặt ra là, khi bàn về công bằng xã hội thì vấn đề cốt lõi là phải tìm ra được và giải quyết được sự cân bằng giữa công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế. Tại Đại hội lần thứ VIII (1996), Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công

bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển"(1).

Tăng trưởng kinh tế là một khái niệm kinh tế học được dùng để chỉ sự gia tăng về quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định và thường được đo bằng một số đại lượng, trong đó GDP (tổng sản phẩm quốc nội) và GNP (tổng sản phẩm quốc dân) là những thước đo thường được sử dụng nhất.

Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về lượng (quy mô sản lượng) của một nền kinh tế nào đó, tính trong thời gian nhất định. Vì vậy, bản thân khái niệm này thường làm nảy sinh câu hỏi: liệu việc tăng lên về lượng có thể dẫn đến sự thay đổi về chất hay không?

Có thể nói ngay rằng, tăng trưởng kinh tế, mặc dù là một tiêu chí quan trọng của tiến bộ xã hội, nhưng bản thân nó là sự thể hiện không đầy đủ của tiến bộ xã hội, bởi theo quan điểm của các nhà sáng lập chủ

(*) Giáo sư, Viện sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.496.

nghĩa xã hội khoa học, tiến bộ xã hội là quá trình phát triển của xã hội loài người từ thấp lên cao, từ một hình thái kinh tế – xã hội này đến một hình thái kinh tế – xã hội khác cao hơn. Vì vậy, tiến bộ xã hội không chỉ thể hiện trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, mà cả trong sự phát triển của quan hệ sản xuất; không chỉ trong sự phát triển của cơ sở hạ tầng, mà cả trong sự phát triển của kiến trúc thượng tầng; không chỉ trong sự phát triển của tồn tại xã hội, mà cả trong sự phát triển của ý thức xã hội; không chỉ trong việc nâng cao mức sống của con người, làm cho con người thoát khỏi mọi áp bức bóc lột, bất công, mà còn được phát triển toàn diện và tự mình làm chủ cuộc sống của mình.

Tăng trưởng kinh tế, đương nhiên, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, liên quan đến sự thịnh suy của một quốc gia. Vì vậy, chính phủ nước nào cũng ưu tiên các nguồn lực của mình cho tăng trưởng kinh tế, coi đó là cái gốc, là nền tảng để giải quyết mọi vấn đề khác. Trên cơ sở giải quyết được vấn đề tăng trưởng kinh tế, nghĩa là tạo ra được nhiều của cải vật chất, người ta mới có thể giải quyết hàng loạt vấn đề khác, đặc biệt là các vấn đề xã hội, như nâng cao mức sống của người dân, tăng cường phúc lợi xã hội, giảm bớt tình trạng thất nghiệp, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm ổn định, v.v..

Tuy nhiên, đứng từ góc độ tiến bộ xã hội mà xét thì không phải lúc nào tăng trưởng kinh tế cũng đồng hành hay là dẫn đến tiến bộ xã hội. Thậm chí có nơi, có lúc, tăng trưởng kinh tế còn đem đến thảm họa cho con người, nếu kết quả của tăng trưởng kinh tế được sử dụng cho những mục đích phi nhân đạo, không trong sáng. Một khi trong xã hội mà người ta chỉ duy nhất quan tâm đến tăng trưởng kinh tế và bằng mọi giá để thúc đẩy sự tăng trưởng ấy thì điều

đó có thể sẽ chứa đựng một nguy cơ khó lường. Do vậy, chúng ta phải luôn kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội.

Còn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội thì sao?

Để tìm hiểu rõ vấn đề này, chúng tôi muốn lưu ý một điều là không được đồng nhất *công bằng xã hội* với *bình đẳng xã hội*. Thực ra, đây là hai khái niệm khác nhau.

Nói tới *bình đẳng xã hội* là nói tới sự ngang bằng nhau giữa người với người về một (hoặc một vài) phương diện xã hội nào đó, chẳng hạn về kinh tế, chính trị, văn hoá... Còn *công bằng xã hội* lại là một khái niệm mang tính lịch sử, bị quy định bởi hoàn cảnh lịch sử - cụ thể. Có thể nói, mỗi xã hội đều có chuẩn mực riêng của mình về công bằng xã hội, chuẩn mực đó do hoàn cảnh lịch sử - cụ thể của xã hội đó quy định.

Riêng trong chủ nghĩa xã hội, như C.Mác đã đề cập trong *Phê phán cương lĩnh Gôta*, *công bằng xã hội* được thể hiện trong nguyên tắc phân phối theo lao động. C.Mác chỉ ra rằng, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, sau khi đã khấu trừ đi những khoản cần thiết để duy trì sản xuất, tái sản xuất cũng như để duy trì đời sống của cộng đồng, toàn bộ số sản phẩm của xã hội còn lại sẽ được phân phối theo nguyên tắc: mỗi người sản xuất sẽ được nhận trở lại từ xã hội một số lượng sản phẩm tiêu dùng trị giá ngang với số lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội, sau khi đã khấu trừ số lao động của anh ta trong các quỹ xã hội(2).

Đây là một nguyên tắc phân phối rất công bằng, bởi ở đây, tất cả những người sản xuất đều có quyền ngang nhau đối với việc tham dự vào quỹ tiêu dùng của xã hội khi làm một công việc ngang nhau.

(2) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.30-34.

Mặc dù vậy, C.Mác cũng đã chỉ rõ rằng, trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, sự phân phối công bằng đó chẳng những chưa loại trừ được, mà vẫn còn hàm chứa trong nó sự chấp nhận một tình trạng bất bình đẳng nhất định giữa các thành viên trong xã hội, bởi “với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia, v.v.”(3). Đó vừa là ưu việt, vừa là thiếu sót của nguyên tắc phân phối theo lao động – một thiếu sót mà theo C.Mác, là *không thể tránh khỏi* trong giai đoạn đầu của xã hội công sản chủ nghĩa(4).

Chính vì thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động nên, như C.Mác đã nhận xét ở trên, ngay cả trong chủ nghĩa xã hội, khi công bằng xã hội được thực hiện thì chúng ta vẫn chưa thể thực hiện được bình đẳng xã hội. Điều đó có nghĩa là, trong điều kiện hiện nay, khi Việt Nam chúng ta còn đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sự bình đẳng xã hội mới chỉ có thể thực hiện được trong một số lĩnh vực, còn sự bình đẳng xã hội hoàn toàn là điều chưa thể thực hiện được.

Về công bằng xã hội thì sao? Theo chúng tôi, trong điều kiện hiện nay của đất nước ta, không những chúng ta hoàn toàn có thể, mà còn cần phải thực hiện cho được công bằng xã hội. Theo quan niệm về công bằng xã hội, như đã trình bày ở trên, thì không nhất thiết phải giàu có mới thực hiện công bằng xã hội. Hơn nữa, càng chưa giàu có, càng nghèo khó lại càng phải thực hiện công bằng, nếu muốn tạo ra bầu không khí hoà thuận, tin tưởng lẫn nhau, nếu muốn giữ gìn cho xã hội được ổn định.

Sự phân phối công bằng đó cần được thể hiện như thế nào ở Việt Nam hiện nay?

Trong thời kỳ trước đổi mới (trước năm 1986), Việt Nam đã thực hiện sự phân phối mà về thực chất, mang tính bình quân. Vì vậy, bước vào thời kỳ đầu đổi mới, Việt Nam nhấn mạnh đến nguyên tắc phân phối theo lao động. Đến năm 1991, tại Đại hội Đảng lần thứ VII, nguyên tắc phân phối đã được bổ sung thêm và xác định: phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh là chính. Tuy nhiên, xuất phát từ tình hình thực tế hơn 7 năm sau đổi mới, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1 năm 1994), Đảng ta đã thống nhất nêu ra nguyên tắc phân phối mới mà theo đó, “phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh”. Nguyên tắc phân phối này đã được bổ sung, hoàn chỉnh hơn tại Đại hội IX của Đảng (2001). Theo đó, “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”(5). Đây là một nguyên tắc phân phối công bằng phù hợp với các điều kiện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn đổi mới của Việt Nam hơn 20 năm qua đã cho thấy, chính việc thực hiện các nguyên tắc phân phối ngày càng công bằng này đã có tác dụng lôi cuốn mọi người tham gia sản xuất, kinh doanh và đó là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tăng trưởng kinh tế nhanh.

(3) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.19, tr.35.

(4) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr. 34-36.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 88.

Như trên đã trình bày, phân phối theo lao động là một nguồn gốc quan trọng tạo ra của cải cho xã hội. Trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trước nhu cầu bức bách phải thu hút vốn đầu tư để có điều kiện mở rộng sản xuất thì ngoài phân phối theo lao động, phân phối theo vốn và nguồn lực khác phải được coi là công bằng. Đây chính là quan niệm mới về sự thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Nhưng, một khi kinh tế thị trường có sự tăng trưởng khá thì cũng là khi mặt tiêu cực của nó tác động tương đối mạnh đến các mặt của đời sống xã hội. Tăng trưởng kinh tế nhanh trong điều kiện cơ chế thị trường đã làm cho bảng giá trị của xã hội, trong một số trường hợp, biến động theo chiều hướng tiêu cực. Bất công xã hội có nguy cơ tăng lên. Những hành vi phản văn hoá, những biểu hiện của lối sống thực dụng theo chiều hướng quay lưng lại với những giá trị truyền thống... đã nảy sinh trong đời sống xã hội. Cùng với hiện tượng này, cũng đã xuất hiện mâu thuẫn giữa sự tăng trưởng kinh tế với phân phối các giá trị vật chất cũng như giá trị tinh thần do tăng trưởng kinh tế đem lại. Trong các vấn đề xã hội cần quan tâm thì công bằng xã hội là một trong những vấn đề đáng lưu tâm nhất. Kinh tế càng tăng trưởng thì vấn đề công bằng xã hội càng được đặt ra một cách bức xúc. Vì thế, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương đúng đắn và trên thực tế, đã và đang giải quyết những vấn đề nổi cộm một cách có hiệu quả.

Rút kinh nghiệm từ những bài học đắt giá trong việc hoạch định chính sách phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam đã chủ trương coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của

sự phát triển xã hội; không chờ tới khi kinh tế phát triển cao rồi mới thực hiện các chính sách về công bằng xã hội, mà ngay từ khi bắt đầu tiến hành đổi mới đã phải kết hợp nhiệm vụ kinh tế với các nhiệm vụ xã hội, giải quyết tốt mối quan hệ giữa đổi mới chính sách kinh tế với đổi mới chính sách xã hội, coi đó là một phương thức để thực hiện công bằng xã hội.

Thực tiễn trên đã chứng tỏ rằng, khi có chính sách xã hội đúng đắn đi liền với chính sách tăng trưởng kinh tế thì có thể khắc phục được những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường mà không làm mất đi tính năng động và hiệu quả của bản thân cơ chế thị trường. Đó chính là nguyên nhân đã khiến cho cộng đồng quốc tế đánh giá cao kết quả của việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Báo cáo của Liên hợp quốc *"Đưa các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến với người dân"* (11/2002) đã đánh giá rằng: "Kể từ 1990 đến nay, nhìn chung Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển của mình, một số kết quả nổi bật, trong bối cảnh mức thu nhập còn thấp của quốc gia.

Việt Nam liên tục dẫn đầu các nước đang phát triển về thành tích xoá đói giảm nghèo, trên thực tế đã giảm một nửa tỷ lệ nghèo của quốc gia (từ trên 60% năm 1990 xuống còn khoảng 32% trong những năm gần đây), như vậy hoàn thành sớm so với kế hoạch toàn cầu là giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015.

Trong thập kỷ qua, Việt Nam cũng đã tăng cường đáng kể khả năng tiếp cận với giáo dục tiểu học, nước sạch và vệ sinh môi trường cũng như đã giảm tỷ lệ bất an ninh lương thực, tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ tử vong ở các bà mẹ và tỷ lệ sinh. Kết quả là đã cải thiện đáng kể cuộc sống của người dân. Giờ đây, người dân Việt

Nam có tuổi thọ dài hơn và sức khoẻ tốt hơn”(6).

Giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội có mối tương tác khá đặc biệt. Tăng trưởng kinh tế đem lại những giá trị vật chất to lớn chính là điều kiện để thực hiện công bằng xã hội. Nếu không có những điều kiện kinh tế tối thiểu được đảm bảo thì tiến bộ và công bằng xã hội rất khó được thực hiện. Kinh tế càng phát triển, càng có điều kiện thuận lợi hơn để hoạch định và thực thi các chính sách về công bằng xã hội. Ngược lại, công bằng xã hội có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Nhờ khả năng có thể tạo ra một xã hội hoà hợp, lành mạnh và ổn định – một xã hội mà mỗi cố gắng, mỗi đóng góp đều được đánh giá một cách thoả đáng, công bằng xã hội có thể tạo ra một xã hội hài hoà giữa những lợi ích cá nhân và cộng đồng. Công bằng xã hội, trên thực tế, vừa là điều kiện quan trọng để tạo ra ổn định xã hội, vừa là một động lực để tăng trưởng kinh tế.

Chính vì vậy, cần phải dựa vào công bằng xã hội để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời phải kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội. Có như thế mới vừa đảm bảo được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, vừa thực hiện được định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Để thấy rõ mối tương quan ấy, chúng ta cần nghiên cứu, xem xét những biến đổi trong cấu trúc xã hội và phân tầng xã hội. Chuyển sang kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá - đó là những tác nhân quan trọng thúc đẩy những biến đổi trong cấu trúc xã hội được thể hiện một cách điển hình trong hiện tượng phân tầng xã hội theo mức sống của các nhóm dân cư. Hơn nữa, trong hiện

trạng này còn chứa đựng và phản ánh rất nhiều biến đổi xã hội khác.

Như phần trên đã trình bày, thực trạng phân tầng xã hội, phân hoá giàu – nghèo ở nước ta trong thời kỳ đổi mới không phải là một hiện tượng hoàn toàn mới, mà nó đã từng tồn tại cả trong thời kỳ trước đổi mới. Quá trình chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường chỉ tạo ra môi trường kinh tế – xã hội quá độ đặc thù, chứa đựng nhiều yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp khiến cho phân tầng xã hội trở nên bột phát trong thời kỳ đổi mới. Một số yếu tố đó là: môi trường pháp lý chưa được hoàn thiện; tạo điều kiện cho sự liên kết quyền lực vì lợi ích của các cá nhân hoặc nhóm đặc thù, lợi thế so sánh, vị thế đặc biệt (độc quyền) của một số ngành; tính năng động của các cá nhân, các nhóm xã hội khác nhau khi bước vào kinh tế thị trường. Các yếu tố này quy định mức độ phân tầng xã hội khác nhau không chỉ ở các tầng lớp, các nhóm xã hội khác nhau, giữa các vùng, miền khác nhau, mà còn cả trong từng bộ phận của cơ cấu xã hội.

Nhìn chung, khi nói về thực trạng phân tầng xã hội ở nước ta hiện nay, có thể khẳng định rằng, trong xã hội ta hiện đang tồn tại khá phổ biến sự phân tầng xã hội theo mức sống. Tính phổ biến này thể hiện ở chỗ, sự phân tầng diễn ra ở mọi địa bàn (đô thị, nông thôn, vùng miền) trong suốt quá trình phát triển và trong mọi bộ phận hợp thành của cơ cấu xã hội.

Phân tầng xã hội theo mức sống liên quan đến sự khác biệt đô thị, nông thôn và vùng miền. 97% dân số trong độ tuổi lao động thuộc nhóm 20% nghèo nhất là nông thôn, 65% dân số trong độ tuổi lao động thuộc nhóm 20% giàu nhất là đô thị. Sự

(6) Liên hợp quốc (tại Việt Nam). *Đưa các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến với người dân*, 2002, tr. 1.

chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn là lớn hơn rất nhiều so với chênh lệch này trong nội bộ mỗi khu vực. Vì vậy, chênh lệch giữa thành thị và nông thôn đóng góp phần chủ yếu vào mức độ phân tầng theo mức sống nói chung trên quy mô toàn quốc.

Xu hướng khác biệt theo vùng trong sự phân tầng xã hội cũng có thể được khái quát như sau: theo chiều không gian từ Nam ra Bắc, từ đồng bằng lên miền núi thì sự phân hoá ở các tỉnh phía Nam rõ hơn ở các tỉnh phía Bắc, đồng bằng rõ hơn miền núi. Nếu lấy các đô thị làm tâm và theo chiều từ đô thị về nông thôn, tiếp đến là các vùng xa, vùng sâu thì sự phân hoá ở các đô thị diễn ra nhanh nhất; càng lan toả ra các vùng nông thôn xung quanh, sự phân hoá càng yếu dần và hầu như còn phẳng lặng ở vùng miền núi.

Bên cạnh những xu hướng gia tăng sự phân tầng xã hội, những cố gắng to lớn của nước ta nhằm giảm thiểu những khác biệt và phân hoá xã hội cũng đã được ghi nhận qua thành tựu của các chính sách xã hội, đặc biệt là thành công của chương trình xoá đói, giảm nghèo. Tất cả những thành tựu ấy là những tiến bộ của Việt Nam về việc thực hiện công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển của đất nước.

Cần lưu ý rằng, quan điểm công bằng xã hội mà chúng ta đang bàn ở đây hoàn toàn xa lạ với tư tưởng “cào bằng” – chủ nghĩa bình quân cần phải phê phán. Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã ghi rõ: “Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả cao hơn, có đóng góp nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại; chống chủ nghĩa bình quân, chống dựa dẫm, ỷ lại... Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo. Coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển”(7).

Đây cũng chính là điều Hồ Chí Minh mong muốn. Người viết :

“Làm cho người nghèo thì đủ ăn.

Người đủ ăn thì khá giàu.

Người khá giàu thì giàu thêm”(8).

Để thực hiện được công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây:

- Cần làm thông suốt trong cán bộ và nhân dân ta nhận thức đúng đắn về công bằng xã hội; khắc phục sự nhầm lẫn giữa công bằng xã hội và bình đẳng xã hội; phê phán tư tưởng “cào bằng”, chủ nghĩa bình quân, ỷ lại; khuyến khích tính năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường của cán bộ và nhân dân ta trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nhà nước cần ban hành những chính sách nhằm tạo điều kiện giảm dần sự phát triển mất cân đối giữa đô thị và nông thôn, đặc biệt là nông thôn ở vùng xa, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số.

- Huy động các nguồn lực để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ đền ơn đáp nghĩa đối với thương, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng và những người quá khó khăn, những người tật nguyên chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội.

- Công bằng xã hội chỉ có thể được giải quyết tốt gắn liền với kinh tế và văn hoá ngày càng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chúng ta tin tưởng và phấn đấu để hiện thực hoá mục tiêu này.□

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 424.

(8) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 65.